TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HNGĐ- ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2023
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Phan Thị Nhiên.

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Lê Xuân Thuật – Cán bộ hưu trí xã Y

Ông Vũ Minh Đón – Nguyên Bí thư Đoàn xã H.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Nam Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Y.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2023/TLST– HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST – HPT ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1993 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt); HKTT: thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh H; Nơi ở: thôn M, xã V,huyện Y, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến K, sinh năm 1990 (vắng mặt); HKTT, nơi ở: thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Trung K1, sinh ngày 11/9/2011 (vắng mặt).

- Cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 25/9/2015 (vắng mặt).

Đều có địa chỉ tại: thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị L kết hôn với anh Nguyễn Tiến K trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 21 tháng 11 năm 2010. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, chị L về chung sống với anh K tại thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh H, lúc đầu vợ chồng hạnh phúc bình thường và có 02 con chung. Đến năm 2021 do điều kiện kinh tế gặp khó khăn nên anh K và chị L lên LS làm ăn buôn bán, con cái gửi lại ông bà nội chăm sóc, chị L và anh K vẫn thường xuyên về nhà thăm và chăm sóc các con, đến cuối năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L thường đi lễ chùa cùng bạn bè, anh K ghi ngờ chị ngoại tình nên vợ chồng thường cãi, chửi nhau, thậm trí anh K còn đánh đập chị, chính vì vậy đến đầu năm 2022 chị và anh K đã chính thức ly thân nhau, chị mang cháu V về nhà bố mẹ đẻ của chị ở còn cháu K1 thì ở với anh K và bố mẹ anh K, thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, cuộc sống ai biết người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không yêu thương quý trọng nhau nữa đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: chị và anh K có 02 con chung là cháu Nguyễn Trung K1, sinh ngày 11/9/2011 và cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 25/9/2015. Hiện cháu K1 đang ở cùng với anh K và ông bà nội, cháu Hà V đang ở cùng với chị L và ông bà ngoại. Ly hôn, để ổn định cuộc sống và học tập của các cháu, chị L đề nghị Tòa án giao cháu K1 cho anh K nuôi dưỡng, giao cháu Hà V cho chị tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên. Vì mỗi người nuôi dưỡng một con chung nên chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác của vợ chồng: chị L không đề nghị tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Tiến K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án làm việc, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh K không đến tòa án làm việc và cung cấp ý kiến. Bà Th mẹ đẻ anh K có cung cấp cho Tòa án số điện thoại liên lạc của anh K, Tòa án đã trực tiếp kết nối điện thoại và làm việc với anh K trước sự chứng kiện của mẹ anh K là Bà Th và Trưởng thôn T nơi anh K cư trú, anh K bắt máy, Tòa án mở loa ngoài và hỏi anh K, sau khi được hỏi anh K trình bày: anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ do chị L gửi cho anh, việc kết hôn, mâu thuẫn, con chung của anh và chị L như chị L trình bày, quá trình chung sống do chị L thường xuyên đi lễ chùa, không quan tâm đến gia đình, không tập trung làm ăn phát triển kinh tế gia

đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã to tiếng với nhau, hiện tại anh và chị L sống ly thân, không ai quan tâm hay liên quan gì đến nhau. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh cũng nhất trí. Về con chung: Nếu chị L nuôi dưỡng cả hai con chung thì anh cũng nhất trí, chị L không nuôi thì anh xin nuôi dưỡng hai con chung, nếu anh nuôi dưỡng hai con chung, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cho anh, còn không được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật; anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ và các vấn đề khác. Hiện anh đang làm ăn ở LS thỉnh thoảng mới về được nên đề nghị Tòa án tống đạt các văn bản giấy tờ cho mẹ anh là Bà Th.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cháu K1 có nguyện vọng được ở với bố, cháu V có nguyện vọng được ở với mẹ.

* Người làm chứng bà Nguyễn Thị Th - là mẹ đẻ anh Nguyễn Tiến K trình bày: Việc kết hôn, chung sống, mâu thuẫn, con chung của chị L và anh K như anh K trình bày, đầu năm 2022 chị L cùng với cháu Nguyễn Hà V đã về gia đình bố mẹ đẻ tại thôn M, xã V, huyện Y sinh sống, còn cháu K1 thì ở với anh K và gia đình bà, điều kiện cuộc sống của các cháu ổn định, việc chị L xin ly hôn anh K bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu Tòa án giao con chung cho anh K nuôi dưỡng thì bà sẽ trông nom giúp anh K trong lúc anh K đi làm ăn ở xa.

* Người làm chứng ông Trần Văn D - là bố đẻ của chị Trần Thị L trình bày: Việc kết hôn, chung sống, con chung của chị L và anh K như anh chị trình bày, lý do chị L xin ly hôn anh K là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi vã và đánh nhau nhưng ông không biết cụ thể mâu thuẫn về vấn đề gì. Hiện nay chị L và cháu V đã về nhà ông sinh sống, cháu V đã học tập ổn định tại xã Việt Cường. Về việc ly hôn của chị L và anh K, ông đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu Tòa án giao cháu V cho chị L nuôi dưỡng thì ông và gia đình sẽ tạo điều kiện về chỗ ở, điều kiện sống tốt nhất cho chị L và cháu V.

* Đại diện thôn T và UBND xã L cung cấp: Việc kết hôn, chung sống, con chung của chị L và anh K như anh chị trình bày, việc mâu thuẫn địa phương không nắm được, khoảng 02 năm trở lại đây, chị L không chung sống cùng anh K tại thôn T, cháu K1 vẫn chung sống cùng anh K và ông bà nội tại thôn T.

Tại phiên tòa:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán lập hồ sơ vụ án đúng trình tự thủ tục. Việc lấy lời khai của đương sự và thu thập chứng cứ đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thời hạn chuẩn bị xét xử, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn

chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu và việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo Điều 48; 195; 196; 203; 220 Bộ Luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70; 71; 72 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân dân sự, Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, HĐXX đã căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân và gia đình. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Tiến K và chị Trần Thị L cùng đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã L, huyện Y, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến K và chị Trần Thị L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y theo đúng các trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Vì vậy, theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh K và chị L là hợp pháp. Quá trình chung sống cả chị L và anh K đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L thường xuyên đi lễ chùa, không quan tâm chăm sóc gia đình, anh K nghi ngờ chị L có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng thường đánh cãi, chửi nhau và đã chính thức ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không yêu thương, quý trọng nhau nên chị L xin được ly hôn anh K, anh K cũng nhất trí ly hôn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh K đã trầm trọng không thể hàn gắn để chung sống cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn với anh K.

[3] Về con chung: chị L và anh K có 02 con chung là cháu Nguyễn Trung K1, sinh ngày 11/9/2011 và cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 25/9/2015. Chị L và anh K đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. HĐXX thấy hiện nay cháu K1 đang sống với anh K và ông bà nội, cháu V đang sống với chị L và ông bà ngoại điều kiện cuộc sống và học tập của các cháu ổn định, nguyện vọng của cháu K1 muốn được ở với anh K, còn cháu V muốn được ở với chị L nên để ổn định cuộc sống và học tập của hai cháu cần giao cho anh K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K1, chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V đến khi các

cháu thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Anh K và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nhưng có quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác của chị L và anh K: Chị L và anh K đều không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị Trần Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 73 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tiến K.

3. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hà V, sinh ngày 25/9/2015; anh Nguyễn Tiến K tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Trung K1, sinh ngày 11/9/2011 đến khi các cháu thành niên kể từ tháng 8/2023. Anh K và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nhưng được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Chị L là đại diện hợp pháp cho cháu V, anh K là đại diện hợp pháp của cháu K1.

Vì lợi ích của con chung chị L, anh K, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác của vợ chồng: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền 300.000đ chị L đã nộp tại biên lai số 0009487 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, chị L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- UBND xã L;
- Chi cục THADS huyện Y;
- TAND tỉnh H;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên